

TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH  
TRADING SUMMARY

Ngày: 10/10/2024  
Date:

1. Chỉ số chứng khoán  
(Indices)

| Chỉ số<br>Indices | Đóng cửa<br>Closing value | Tăng/Giảm<br>+/- Change | Thay đổi (%)<br>% Change | GTGD (tỷ<br>đồng)<br>Trading<br>value<br>(bil.dongs) |
|-------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|
| VNINDEX           | 1,286.36                  | 4.51                    | 0.35                     | 18,471.41                                            |
| VN30              | 1,360.58                  | 8.61                    | 0.64                     | 10,781.46                                            |
| VNMIDCAP          | 1,924.62                  | -8.31                   | -0.43                    | 6,025.86                                             |
| VNSMALLCAP        | 1,412.78                  | -2.02                   | -0.14                    | 1,376.74                                             |
| VN100             | 1,342.91                  | 4.99                    | 0.37                     | 16,807.32                                            |
| VNALLSHARE        | 1,346.55                  | 4.58                    | 0.34                     | 18,184.07                                            |
| VNXALLSHARE       | 2,134.98                  | 6.62                    | 0.31                     | 18,711.92                                            |
| VNCOND            | 2,068.25                  | 20.86                   | 1.02                     | 990.87                                               |
| VNCONS            | 691.63                    | 9.01                    | 1.32                     | 2,409.99                                             |
| VNE               | 697.81                    | -4.01                   | -0.57                    | 233.39                                               |
| VNF               | 1,689.72                  | -3.20                   | -0.19                    | 8,011.94                                             |
| VNHEAL            | 1,943.35                  | -31.95                  | -1.62                    | 35.14                                                |
| VNIND             | 765.55                    | 1.03                    | 0.13                     | 1,525.47                                             |
| VNIT              | 5,728.02                  | 245.09                  | 4.47                     | 1,637.73                                             |
| VNMAT             | 2,174.64                  | -13.91                  | -0.64                    | 1,822.91                                             |
| VNREAL            | 891.73                    | -4.38                   | -0.49                    | 1,354.41                                             |
| VNUTI             | 878.67                    | 2.44                    | 0.28                     | 145.98                                               |
| VNDIAMOND         | 2,317.73                  | 21.44                   | 0.93                     | 5,739.99                                             |
| VNF               | 2,155.20                  | -4.93                   | -0.23                    | 7,504.36                                             |
| VNFSELECT         | 2,263.75                  | -4.29                   | -0.19                    | 8,011.94                                             |
| VNSI              | 2,150.87                  | 21.91                   | 1.03                     | 4,918.32                                             |
| VNX50             | 2,290.05                  | 9.76                    | 0.43                     | 14,319.71                                            |

2. Giao dịch toàn thị trường  
(Trading total)

| Nội dung<br>Contents | KLGD (ck)<br>Trading vol. (shares) | GTGD (tỷ đồng)<br>Trading val. (bil. Dongs) |
|----------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|
| Khớp lệnh            | 665,592,836                        | 17,197                                      |
| Thỏa thuận           | 54,790,054                         | 1,286                                       |
| Tổng                 | 720,382,890                        | 18,484                                      |

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày  
(Top volatile stock up to date)

| STT<br>No. | Top 5 CP về KLGD<br>Top trading vol. |                                    | Top 5 CP tăng giá<br>Top gainer |       | Top 5 CP giảm giá<br>Top loser |        |
|------------|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|-------|--------------------------------|--------|
|            | Mã CK<br>Code                        | KLGD (cp)<br>Trading vol. (shares) | Mã CK<br>Code                   | %     | Mã CK<br>Code                  | %      |
| 1          | VPB                                  | 45,970,350                         | CLW                             | 6.11% | DTT                            | -6.98% |
| 2          | TPB                                  | 34,607,438                         | VFG                             | 5.63% | MCP                            | -6.93% |
| 3          | EIB                                  | 29,471,340                         | CVT                             | 5.19% | COM                            | -5.94% |
| 4          | VIX                                  | 27,580,072                         | CMG                             | 4.90% | CCI                            | -4.52% |
| 5          | HPG                                  | 23,907,385                         | FPT                             | 4.65% | ACC                            | -4.38% |

Giao dịch của NDTNN  
(Foreigner trading)

| Nội dung<br>Contents                  | Mua<br>Buying | %     | Bán<br>Selling | %     | Mua-Bán<br>Buying-Selling |
|---------------------------------------|---------------|-------|----------------|-------|---------------------------|
| KLGD (ck)<br>Trading vol.<br>(shares) | 52,845,635    | 7.34% | 49,617,197     | 6.89% | 3,228,438                 |

|                                                                     |       |        |       |       |     |
|---------------------------------------------------------------------|-------|--------|-------|-------|-----|
| <b>GTGD (tỷ đồng)</b><br><b>Trading val.</b><br><b>(bil. Dongs)</b> | 2,159 | 11.68% | 1,655 | 8.96% | 504 |
|---------------------------------------------------------------------|-------|--------|-------|-------|-----|

**Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài**  
**(Top foreigner trading)**

| STT | Top 5 CP về KLGĐ NDTNN<br>Top trading vol. |            | Top 5 CP về GTGD NDTNN |             | Top 5 CP về KLGĐ NDTNN mua ròng |            |
|-----|--------------------------------------------|------------|------------------------|-------------|---------------------------------|------------|
| 1   | VPB                                        | 11,005,100 | MSN                    | 749,992,459 | SBT                             | 70,170,047 |
| 2   | MSN                                        | 9,426,111  | FPT                    | 493,428,074 | TPB                             | 29,858,645 |
| 3   | NTL                                        | 7,408,300  | VPB                    | 225,100,933 | NVL                             | 22,557,073 |
| 4   | TCB                                        | 6,938,451  | STB                    | 211,083,365 | DBC                             | 22,350,785 |
| 5   | STB                                        | 6,157,300  | TCB                    | 172,274,187 | PC1                             | 20,274,197 |

**3. Sự kiện doanh nghiệp**

| STT | Mã CK    | Sự kiện                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | CACB2305 | CACB2305 (chứng quyền ACB/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 25.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 2   | CHPG2331 | CHPG2331 (chứng quyền HPG/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 23.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 3   | CMSN2313 | CMSN2313 (chứng quyền MSN/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 25.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 4   | CTCB2310 | CTCB2310 (chứng quyền TCB/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 23.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 5   | CVHM2313 | CVHM2313 (chứng quyền VHM/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 46.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 6   | CVIC2309 | CVIC2309 (chứng quyền VIC/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 15.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 7   | CVRE2315 | CVRE2315 (chứng quyền VRE/12M/SSI/C/EU/Cash-15) hủy niêm yết 25.000.000 cq tại HOSE (do đáo hạn), ngày hủy niêm yết: 10/10/2024, ngày GD cuối cùng: 07/10/2024.                                                                                     |
| 8   | OCB      | OCB giao dịch không hưởng quyền - lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ, dự kiến lấy ý kiến cổ đông từ 17/10/2024 - 18/11/2024 ; thực hiện quyền đề cử ứng cử TV HĐQT và TV BKS, dự kiến lấy ý kiến ngày 17/10/2024 . |
| 9   | GEG      | GEG niêm yết và giao dịch bổ sung 17.058.970 cp (phát hành cp trả cổ tức năm 2023) tại HOSE ngày 10/10/2024, ngày niêm yết có hiệu lực: 02/10/2024.                                                                                                 |
| 10  | PNC      | PNC giao dịch không hưởng quyền - Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ 05%, ngày thanh toán: 11/11/2024.                                                                                                                                     |
| 11  | FUESSVFL | FUESSVFL niêm yết và giao dịch bổ sung 900.000 ccq (giảm) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 10/10/2024.                                                                                                                                          |
| 12  | FUEVFNVD | FUEVFNVD niêm yết và giao dịch bổ sung 100.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 10/10/2024.                                                                                                                                          |
| 13  | E1VFN30  | E1VFN30 niêm yết và giao dịch bổ sung 100.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 10/10/2024.                                                                                                                                           |
| 14  | DGW      | DGW nhận quyết định niêm yết bổ sung 50.115.426 cp (trả cổ tức bằng cp) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 10/10/2024.                                                                                                                            |
| 15  | MSB      | MSB nhận quyết định niêm yết bổ sung 600.000.000 cp (phát hành cp trả cổ tức) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 10/10/2024.                                                                                                                      |